TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **56**/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 14 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Cao T** – sinh năm 1976

* *Bị đơn:* Chị **Trần Thị V** - sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Số 588/13, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Cao T và chị Trần Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung:*** Chị Trần Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba con chung là các cháu Nguyễn Trần H – sinh ngày: 30/9/2003; Nguyễn Trâm A – sinh ngày: 16/11/2006; Nguyễn Tấn K – sinh ngày: 24/8/2008;

Anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị V mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là tháng 3/2019. Thời điểm chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh T, chị V được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản chung:*** Anh Nguyễn Cao T và chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- ***Về án phí:*** Anh Nguyễn Cao T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001672 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Nguyễn Cao T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND H.T;
- Chi cục THA H. T;
- Các Đ/sự;
- UBND xã B;
- Lưu: Hs, av;

THẨM PHÁN

Nguyễn Phước Vinh